

Bản án số: 152/2022/HC-PT

Ngày: 06-4-2022.

V/v khiếu kiện hành vi hành chính về
cưỡng chế phá dỡ tài sản và bồi thường
thiệt hại do hành vi hành chính gây ra”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tôn Văn Trung.

Các Thẩm phán: 1. Bà Lê Ngọc Nga

2. Ông Nguyễn Vũ Trọng Đan

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Việt Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2022/TLPT-HC ngày 10/02/2022 về “Khiếu kiện hành vi hành chính về cưỡng chế phá dỡ tài sản và bồi thường thiệt hại do hành vi hành chính gây ra”. Do bản án hành chính sơ thẩm số 2365/2021/HC-ST ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 924/2022/QĐ-PT ngày 21/3/2022, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Trần Quốc T sinh năm 1965 (có mặt).

Địa chỉ: số 75 đường số 8, khu phố 5, phường TN, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố T (Quận X cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Số 185 đường Đình Phong Phú, phường TN, thành phố T (Quận X cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của người bị kiện: Ông Lê Minh L, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (Giấy ủy quyền số 01/GUQ ngày 11 tháng 3 năm 2021) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Quốc Thanh H, sinh năm 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Số 75 đường số 8, khu phố 5, phường TN, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Ông Nguyễn Khánh D, sinh năm 1979 (Vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 85B đường số 11, phường TN, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3.3. Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố T (Quận X cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Trụ sở chính: Số 185 đường Đình Phong Phú, phường TN, thành phố T (Quận X cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hữu L, chức vụ: Công chức Địa chính - Xây dựng (Giấy ủy quyền số 02/GUQ ngày 23 tháng 3 năm 2021) (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 26/9/2018, đơn sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 10/10/2018, ngày 14/11/2018 và trong quá trình tố tụng, người khởi kiện ông Trần Quốc T trình bày:

Phần đất có diện tích 21.020 m² thuộc các lô 740, 741, 742, 743, tờ bản đồ số 4 (theo TL 299/Ttg) thửa số 1, thửa số 508 tờ bản đồ số 35 (TL 2003), phường TN, Quận X (cũ) do ông Nguyễn H1 đứng bộ. Ông Nguyễn H chết không để lại di chúc. Ông H1 có 09 người con là Nguyễn Thị H2, Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị S, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Văn V, Nguyễn Thị T, Đoàn Thị K, Nguyễn Đình N và Nguyễn Thị Đ.

Ngày 09/8/1999, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) có Quyết định số 87/QĐ-UB-QLĐT giải quyết khiếu nại phân chia phần đất trên của các bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T.

Ngày 31/01/2000, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số 785/QĐ-UB-TD giải quyết đơn của các bà Nguyễn Thị B, Nguyễn Thị Th, Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn V đối với Quyết định số 87/QĐ-UB-QLĐT ngày 09/8/1999 của Ủy ban nhân dân Quận X (cũ).

Năm 2009, Ủy ban nhân dân Quận X (cũ) đã cấp giấy chứng nhận đối với diện tích 11.000 m² đất thuộc thửa 508 tờ bản đồ số 35 (TL2003) phường TN, Quận X cho ông Nguyễn V.

Phần diện tích đất còn lại khoảng 10.000 m² do gia đình ông sử dụng thuộc một phần thửa số 01 tờ bản đồ số 35 (TL 2003) tọa lạc tại địa chỉ số 75 Đường số 8, khu phố 5, phường TN, Quận X (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2010, ông có thuê ông Khuru Xuân Đ đổ và trồng trụ bê tông (11 trụ 3,3m và 4 trụ 4,5m) để làm vườn hoa lan trên diện tích 6,3m x 13,9 m = 87,57 m² đất vườn thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 35, phường TN, Quận X (cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 2012, ông có nhờ ông Đẹp tiếp tục cải tạo giàn trồng hoa lan thành nhà ủ meo trồng nấm để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp với chi phí là 9.468.000 đồng (theo Giấy xác nhận ngày 20/3/2016 của ông Đ). Ông không xin phép xây dựng và không báo chính quyền về việc ông trồng nấm, trồng lan trên diện tích đất vườn này.

Năm 2014, ông H tự ý cho ông D thuê sử dụng nhà trồng nấm của ông theo Hợp đồng thuê vườn đất ngày 04/3/2014. Trong hợp đồng thuê có ghi rõ trên phần đất thuê 80 m² có các cột bê tông. Khi ông H cho ông D thuê và khi ông D tiến hành xây dựng: lợp tôn, quay tôn, đổ sàn xi măng trên nhà trồng nấm của ông, ông có biết, có chứng kiến nhưng ông không có ý kiến cũng không ngăn cản gì. Ngày 11/7/2014, ông có khiếu nại ông H, ông D đến Ủy ban nhân dân phường TN, sau đó do ông D năn nỉ, ông làm đơn rút lại đơn khiếu nại ngày 23/7/2014 và để ông D tiếp tục sử dụng cho công việc hàn sắt, làm xưởng cơ khí.

Vào khoảng đầu năm 2015, ông có nghe thông tin Ủy ban nhân dân phường buộc ông H phải tháo dỡ nhà trồng nấm của ông. Ông có làm đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân Quận X và Ủy ban nhân dân Quận X có Phiếu chuyển đơn số 425/PC-VP ngày 24/3/2015 nhưng Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN nhận định rằng nhà trồng nấm của ông là tài sản của ông H xây dựng nhà ở không phép nên ban hành quyết định cưỡng chế tháo dỡ.

Ngày 14 và 15/3/2016, ông có cầm Văn bản số 425/PC-VP đến gặp Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN để trình bày về việc buộc ông H tháo dỡ tài sản, phục vụ nông nghiệp – trồng nấm của ông là chưa đúng luật, sai đối tượng nhưng Chủ tịch phường vẫn cho rằng đó là tài sản của ông H rồi cho lực lượng phá hết nhà trồng nấm và trụ trồng lan của ông vào sáng ngày 15/3/2016. Vào lúc cưỡng chế ông có mặt, ông có yêu cầu cung cấp biên bản cưỡng chế nhưng không được. Hiện trạng tài sản khi bị cưỡng chế không còn là nhà trồng nấm mà trước đây ông đã xây dựng mà là: nhà tôn, vách tôn, cột bê tông, nền xi măng do

ông Nguyễn Khánh D xây dựng trên khung có sẵn do ông xây dựng để làm nhà trồng nấm và chứa vật liệu xây dựng: cột bê tông, có lợp tôn trên một phần. Khi ông và ông D xây dựng công trình trên đều không có giấy phép xây dựng. Trên phần đất thuộc một phần thửa 01, tờ bản đồ số 35, phường TN, Quận X (cũ), có nhà của ông, nhà của ông H và 01 công trình xây dựng trên bị cưỡng chế vào ngày 15/3/2016, các công trình này tọa lạc tại địa chỉ số 75 đường số 8, phường TN, Quận X (cũ). Ông không khiếu nại việc cưỡng chế tháo dỡ đến Ủy ban nhân dân phường TN cũng như Ủy ban nhân dân Quận X (cũ).

Ngày 11/4/2016, ông gửi đơn qua đường bưu điện đến Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận X (cũ) tố cáo Ủy ban nhân dân phường TN xâm nhập gia cư bất hợp pháp. Ngày 12/4/2016, Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an Quận X có Phiếu hướng dẫn đơn số 20/HD-CAQ(ĐTTH) đề nghị ông liên hệ Tòa án nhân dân Quận X (cũ) để khởi kiện dân sự.

Ngày 26/10/2016, ông nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận X (nay là Tòa án nhân dân thành phố T) yêu cầu tuyên bố hành vi tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế tháo dỡ nhà trồng nấm tại địa chỉ 75 đường số 8, phường TN, Quận X (cũ) vào ngày 15/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (cũ) là sai quy định của pháp luật và yêu cầu Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X bồi thường thiệt hại với số tiền 9.468.000 đồng (Giấy báo nhận đơn khởi kiện số 1501/2016/GB-TA ngày 26/10/2016 của Tòa án nhân dân Quận X).

Ngày 10/11/2016, Tòa án nhân dân Quận X có Phiếu yêu cầu bổ sung. Ngày 22/11/2016, ông khiếu nại việc yêu cầu bổ sung. Từ đó đến nay ông không nhận được quyết định giải quyết khiếu nại, thông báo thụ lý hay thông báo trả lại đơn khởi kiện. Ông có lên Tòa hỏi thì được trả lời miệng là cứ nộp đơn khởi kiện lại rồi Tòa sẽ thụ lý.

Ngày 22/3/2018, ông nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường thiệt hại nhà trồng nấm cho ông số tiền 9.468.000 đồng. Ngày 16/4/2018, Tòa án nhân dân Quận X có thông báo số 37/TB-TA yêu cầu sửa đổi bổ sung đơn khởi kiện ngày 22/3/2018. Ngày 05/6/2018, Tòa án nhân dân Quận X có thông báo số 02/TB-TA trả lại đơn khởi kiện trên cho ông. Ngày 23/6/2018, ông khiếu nại Thông báo trả lại đơn khởi kiện này. Ngày 26/9/2018, ông có đơn xin rút đơn khiếu nại; Ngày 27/9/2018, Tòa án nhân dân Quận X có Văn bản số 1419/TAQ9 thông báo cho ông biết việc ông rút đơn khiếu nại. Ông đã nhận được văn bản này.

Ngày 26/9/2018, ông nộp đơn khởi kiện (sửa đổi bổ sung ngày 10/10/2018 và ngày 14/11/2018). Ông yêu cầu:

- Tuyên bố hành vi tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên phần đất vườn thuộc một phần thửa số 1 tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại số 75 đường số 8, khu phố 5, phường TN, Quận X (cũ) vào ngày 15/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (cũ) là trái quy định của pháp luật vì: Nhà trồng nấm của ông đã có từ năm 2012, sau đó ông H ông D chỉ lợp tôn, quây tôn, đổ nền xi măng trên khung của nhà trồng nấm; khi người bị kiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng của ông H lại phá dỡ cả khung là nhà trồng nấm của ông; Nhà trồng nấm của ông là công trình phục vụ nông nghiệp không phải xin phép xây dựng theo quy định của pháp luật.

- Buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (cũ) phải bồi thường cho ông số tiền 11.768.000 đồng – tiền xi măng, sắt thép và nhân công ông bỏ ra để làm nhà trồng nấm đã bị cưỡng chế tháo dỡ.

2. Người bị kiện trình bày:

Tháng 6/2014, Ủy ban nhân dân phường TN phát hiện ông H đang xây dựng một công trình không phép tại phần đất thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 35 (TL 2003), tọa lạc tại 75 Đường số 8, khu phố 5, phường TN, Quận X (cũ). Ủy ban nhân dân phường TN lập biên bản số 23/BB-VPTTXD ngày 23/6/2014 về việc ngừng thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với công trình xây dựng của ông Trần Quốc Thanh H tại phần đất vườn thuộc phần thửa số 1, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại 75 Đường số 8 khu phố 5, phường TN, Quận X (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 24/6/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN ban hành Quyết định số 207/QĐ-UBND về việc đình chỉ thi công xây dựng công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị do ông Trần Quốc Thanh H làm chủ đầu tư và đã giao Quyết định đình chỉ thi công cho ông Trần Quốc Thanh H theo biên bản ngày 25/6/2014.

Ngày 27/6/2014, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN ban hành Quyết định số 208/QĐ-UBND về việc cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng đô thị đối với bộ phận công trình vi phạm do ông Trần Quốc Thanh H làm chủ đầu tư và đã giao quyết định cưỡng chế này cho ông Trần Quốc Thanh H theo biên bản ngày 01/7/2014.

Ngày 11/7/2014, ông T có đơn gửi Ủy ban nhân dân phường TN khiếu nại ông Trần Quốc Thanh H đưa người lạ vào đất của ông T tự ý lợp tôn, dựng tôn lên các trụ bê tông của ông T làm nhà xưởng cơ khí, che chắn lối đi vào mồ mả gia tộc và yêu cầu buộc ông Trần Quốc Thanh H và người lạ tháo dỡ trả lại hiện trạng ban đầu. Ngày 23/7/2014, ông T có đơn xin rút đơn khiếu nại ghi ngày 11/7/2014 gửi đến Ủy ban nhân dân phường TN

Ngày 17/7/2014 và ngày 08/12/2014, Ủy ban nhân dân phường TN đã vận động ông H tự giác tháo dỡ phần công trình vi phạm và ông H có cam kết tự tháo dỡ phần công trình vi phạm nhưng ông H không thực hiện.

Ngày 02/12/2015, 10/12/2015 và 17/12/2015, Ủy ban nhân dân phường TN đã mời ông H, ông D đến để vận động tự giác chấp hành quyết định cưỡng chế nhưng ông H, ông D không đến.

Ngày 25/02/2016 Ủy ban nhân dân phường TN đã ban hành Kế hoạch số 207/QĐ-UBND về việc thực hiện Quyết định cưỡng chế hành chính đối với hộ ông Trần Quốc Thanh H, địa chỉ: 75 đường 8, khu phố 5 phường TN, Quận X.

Ngày 04/3/2016, Ủy ban nhân dân phường TN ban hành Thông báo số 25/TB-UBND về việc thực hiện quyết định cưỡng chế hành chính.

Ngày 04/3/2016 và ngày 11/3/2016, Ủy ban nhân dân phường TN giao thông báo trên cho ông H nhưng ông H không nhận và không ký vào biên bản.

Vào hồi 09 giờ 15 phút ngày 15/3/2016, Ủy ban nhân dân phường TN đã phối hợp với các cơ quan chức năng cùng các ngành, đoàn thể của phường tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế đối với công trình vi phạm trật tự xây dựng của ông Trần Quốc Thanh H, địa chỉ: 75 đường 8, khu phố 5, phường TN, Quận X (cũ). Việc cưỡng chế phá dỡ có lập biên bản, ông T có mặt chứng kiến việc cưỡng chế phá dỡ.

Việc ông T cho rằng người bị kiện cưỡng chế tháo dỡ nhà trồng nấm của ông trái pháp luật là không có căn cứ, người bị kiện tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế phá dỡ đối với công trình xây dựng vi phạm của ông Trần Quốc Thanh H là đúng quy định của pháp luật; Người bị kiện không chấp nhận yêu cầu bồi thường thiệt hại của ông T; Yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện khi xem xét giải quyết vụ án nói trên vì tính từ thời điểm thực hiện hành vi cưỡng chế (15/3/2016) cho đến khi Tòa thụ lý vụ án thì đã hết thời hiệu khởi kiện.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày:

3.1. Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố T do ông Võ Tiến D1 là người đại diện theo ủy quyền có ý kiến: Thống nhất với trình bày của người bị kiện.

3.2. Ông Trần Quốc Thanh H trình bày:

Ngày 04/3/2014, ông có cho ông D thuê miếng đất vườn diện tích 6,5m x 13,8 m = 89,7 m² thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại số 75 Đường số 8, khu phố 5, phường TN B, Quận X (cũ) với giá là 2.500.000 đồng/tháng. Khi ông cho ông D thuê thì phần đất thuê là đất trống, không có cọc bê tông. Giữa ông và ông D không có hợp đồng thuê mà chỉ có biên nhận ông nhận 10.000.000 đồng của ông D ghi ngày 12/3/2014 trong quyển sổ của ông.

Ông và ông D có thỏa thuận phân xây dựng trên đất do ông D chịu trách nhiệm cả về vật tư và giấy phép xây dựng. Qua khiếu nại của ông T, ông D không cung cấp được giấy phép xây dựng. Do ông là người đứng ra cho ông D thuê đất nên ông cam kết với phường để tự tháo dỡ nhưng sau đó ông D không chịu tháo dỡ.

Sau khi phường lập biên bản vi phạm hành chính, có quyết định đình chỉ thi công và cưỡng chế phá dỡ, ông không cho ông D thuê nữa. Sau đó ông D có đưa cho ông 1 bản hợp đồng thuê vườn đất nói nhờ ông ký để làm thủ tục giấy tờ. Do ông và ông D đã chấm dứt quan hệ thuê vườn đất, không còn quan hệ gì nên ông ký vào hợp đồng thuê để xác nhận có nhận tiền thuê đất của ông D và việc ký không có giá trị pháp lý gì nên ông ký mà không hề đọc lại. Ông cũng không giữ hợp đồng thuê vườn đất này. Ông xác định ngày ông ký hợp đồng không phải là ngày 04/3/2014 – ngày ghi trên hợp đồng, mà ký sau ngày phường có quyết định cưỡng chế phá dỡ. Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế là đúng quy định của pháp luật. Việc ông T khởi kiện là không có cơ sở.

3.3. Ông Nguyễn Khánh D trình bày:

Ông có thuê phần đất ở 75 Đường số 8, khu phố 5, phường TN, Quận X của ông H. Khi thuê, ông và ông H có làm hợp đồng thuê đất ngày 04/3/2014 (mà ông T đã cung cấp cho Tòa). Phần đất ông thuê có diện tích khoảng hơn 80m², trong đó có 1 phần có tôn cũ, phía đằng sau trồng có 03 hàng trụ cột bê tông. Ông H nói phần tôn cũ và trụ bê tông là của ông H. Ông có làm mái trên các cột bê tông và vách xung quanh thành một cái nhà tôn. Khi làm nhà tôn ông không xin phép xây dựng. Khi ông tiến hành xây dựng ông Toàn có biết nhưng không nói năng gì. Ông thuê đất của ông H được khoảng 2-3 tháng thì ông T khiếu nại không cho làm cơ khí trên phần đất đó nữa. Ông có trình bày hoàn cảnh sau đó ông T mới rút đơn lại. Ông thuê đất của ông H đến cuối năm 2014, sau đó ông T vẫn cho ông câu điện nước, và sử dụng nhà tôn để làm hàn xì. Phường có động viên ông tự tháo dỡ nhưng thời hạn thuê đất theo hợp đồng là 03 năm, ông đã bỏ ra rất nhiều chi phí xây dựng nhà tôn nên ông chỉ đồng ý tháo dỡ khi ông H hỗ trợ. Tuy nhiên ông H không chịu nên ông không tự tháo dỡ. Khi phường tiến hành phá dỡ thì tài sản của ông che bạt để ở ngoài, các miếng tôn thì tháo ra mang về để ở chòi lá gần đó. Ông không khiếu nại hay yêu cầu phường bồi thường gì cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản khi phường cưỡng chế tháo dỡ. Ngày 21/11/2019, ông D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

4. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 2365/2021/HC-ST ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

“1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T về việc yêu cầu tuyên bố hành vi tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên phần đất thuộc một phần thửa 1, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại số 75 Đường số 8, khu phố 5, phường TN, Quận X (cũ) vào ngày 15/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân phường TN, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh là trái pháp luật;

2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T về việc buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân phường TN, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông với số tiền 11.768.000 đồng”.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo.

5. Ngày 13/12/2021, ông Trần Quốc T kháng cáo toàn bộ bản án trên. Yêu cầu cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

6. Tại phiên toà phúc thẩm:

6.1. Người khởi kiện giữ nguyên kháng cáo. Đề nghị hủy bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện.

6.2. Người bị kiện cho rằng việc cưỡng chế hành chính bộ phận công trình vi phạm trật tự xây dựng đối với ông Trần Quốc Thanh H là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

6.3. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu:

+ Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Trần Quốc T là trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên được chấp nhận xem xét theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

+ Về nội dung kháng cáo :

Cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ chứng cứ, tình tiết vụ án. Người khởi kiện kháng cáo nhưng không có chứng cứ nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

[1.1] Ông Trần Quốc T khởi kiện yêu cầu tuyên bố hành vi tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên phần đất vườn mà gia đình ông đang sử dụng thuộc một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại số 75 đường số 8, khu phố 5, phường TN, Quận X (Cũ) vào ngày 15/3/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (nay là thành phố T) là trái pháp luật và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản với số tiền 11.768.000 đồng nên căn cứ quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 3, Điều 7, khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 31, Điều 115 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015 đây là tranh chấp về “Khiếu kiện hành vi hành chính về cưỡng chế phá dỡ tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi hành chính gây ra” vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận X (nay là Tòa án nhân dân thành phố T) Thành phố Hồ Chí Minh theo thủ tục sơ thẩm.

Ông Trần Quốc T khiếu kiện hành vi hành chính về cưỡng chế phá dỡ tài sản và bồi thường thiệt hại về tài sản do hành vi hành chính gây ra là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật Tổ tụng hành chính.

Xác định người bị kiện là Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (cũ) (nay là thành phố T) là đúng quy định pháp luật.

[1.2] Về thời hiệu khởi kiện:

Đơn khởi kiện của ông Trần Quốc T còn trong thời hiệu khởi kiện theo luật định.

[1.3] Về việc ủy quyền của các đương sự:

Xét người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, ủy quyền cho ông Lê Minh L tham gia tố tụng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân phường TN ủy quyền cho ông Lê Hữu L tham gia tố tụng là phù hợp với Điều 60 Luật Tổ tụng hành chính.

[1.4] Về thời hạn kháng cáo:

Đơn kháng cáo của ông Trần Quốc T làm trong thời hạn, đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm trong thời hạn, phù hợp quy định tại Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015.

[1.5] Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Khánh D có văn bản đề nghị xét xử vắng mặt nên căn cứ quy định tại khoản 4 Điều 225 của Luật Tổ tụng hành chính năm 2015, Hội đồng xét xử vắng mặt ông D.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện :

[2.1] Về yêu cầu tuyên bố hành vi tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế tháo dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên phần đất vườn thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại số 75 Đường số 8, khu phố 5, phường TN, Quận X (cũ) vào ngày 15/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố T là trái pháp luật:

Hội đồng xét xử xét thấy, theo như lời trình bày của người bị kiện ông Trần Quốc T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Quốc Thanh H, ông Nguyễn Khánh D đều thừa nhận khi tiến hành xây dựng trên phần đất vườn thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 35, phường TN, Quận x, ông T, ông D, ông H đều không xin phép xây dựng.

Căn cứ quy định tại Điều 87, Điều 88 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012 về thi hành quyết định cưỡng chế và Điều 33, Điều 34, Điều 35 của Nghị định số 166/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố T đã tổ chức thực hiện cưỡng chế đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục cưỡng chế.

Ông T cho rằng nhà trồng nấm của ông đã có từ năm 2012, sau đó ông H, ông D chỉ lợp tôn, quây tôn, đổ nền xi măng trên khung có sẵn của nhà trồng nấm; khi người bị kiện cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng của ông H lại phá dỡ cả khung là nhà trồng nấm của ông. Tuy nhiên, lời khai của ông H cho rằng khi ông H cho ông D thuê thì phần đất thuê là đất trống, không có cọc bê tông. Tại hợp đồng thuê mướn đất ngày 04/3/2014 giữa ông H với ông D (do ông T cung cấp cho Tòa) và tại đơn khiếu nại ngày 11/7/2014 mà ông T gửi cho Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (cũ) cũng không thể hiện khi ông H cho ông D thuê đất thì trên phần đất cho thuê đã tồn tại nhà trồng nấm với hiện trạng như ông T mô tả.

Ông T không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác thể hiện có sự tồn tại của nhà trồng nấm trên phần đất vườn thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại số 75 Đường số 8, khu phố 5, phường TN, Quận X (cũ) trước khi ông H cho ông D thuê đất, cũng như trước và ngay khi người bị kiện thực hiện việc cưỡng chế phá dỡ. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc tuyên bố hành vi tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật tự xây dựng trên đất của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố T là trái quy định của pháp luật.

[2.2] Về yêu cầu bồi thường thiệt hại:

Do hành vi tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình xây dựng vi phạm trật tự xây dựng trên phần đất vườn thuộc một phần thửa số 1, tờ bản đồ số 35, tọa lạc tại số 75 Đường số 8, khu phố 5, phường TN, Quận X (cũ)

vào ngày 15/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (cũ) là đúng thẩm quyền và trình tự, thủ tục cưỡng chế nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T về việc buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, thành phố T phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông T với số tiền 11.768.000 đồng.

[2.3] Từ những cơ sở đã phân tích trên, xét thấy bản án sơ thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là đúng pháp luật. Tại cấp phúc thẩm, người khởi kiện không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Do đó, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí:

Yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quốc T không được Tòa chấp nhận. Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Ông T phải chịu: 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm; 588.400 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Điều 242 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015;

Áp dụng điểm a Khoản 1 Điều 87, Điều 88 Luật xử lý vi phạm hành chính năm 2012;

Áp dụng Điều 33, Điều 34, Điều 35 Nghị định 166/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ;

Áp dụng Điều 32, Điều 34 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trần Quốc T.
2. Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 2365/2021/HC-ST ngày 09/12/2021 của Tòa án nhân dân thành phố T Thành phố Hồ Chí Minh.

2.1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T về việc yêu cầu tuyên bố hành vi tổ chức thực hiện quyết định cưỡng chế phá dỡ công trình vi phạm trật

tự xây dựng trên phần đất thuộc một phần thửa 1, tờ bản đồ số 35 tọa lạc tại số 75 Đường số 8, khu phố 5, phường TN, Quận X (cũ) vào ngày 15/03/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân phường TN, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh là trái pháp luật;

2.2. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Quốc T về việc buộc Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường TN, Quận X (nay là Chủ tịch Ủy ban nhân phường TN, thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho ông với số tiền 11.768.000 đồng.

3. Về án phí:

3.1. Án phí hành chính sơ thẩm: 300.000 đồng, ông Trần Quốc T phải chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông Toàn đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số AA/2018/0009115 ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Toàn đã nộp đủ án phí hành chính sơ thẩm.

3.2. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu là 588.400 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông Toàn đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0025310 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T phải nộp số tiền 288.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3.3. Án phí hành chính phúc thẩm: 300.000 đồng, ông Trần Quốc T phải chịu và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông T đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu số 0025314 ngày 20/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T đã nộp đủ án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- TAND thành phố Thủ Đức;
- VKSND thành phố Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tôn Văn Trung

